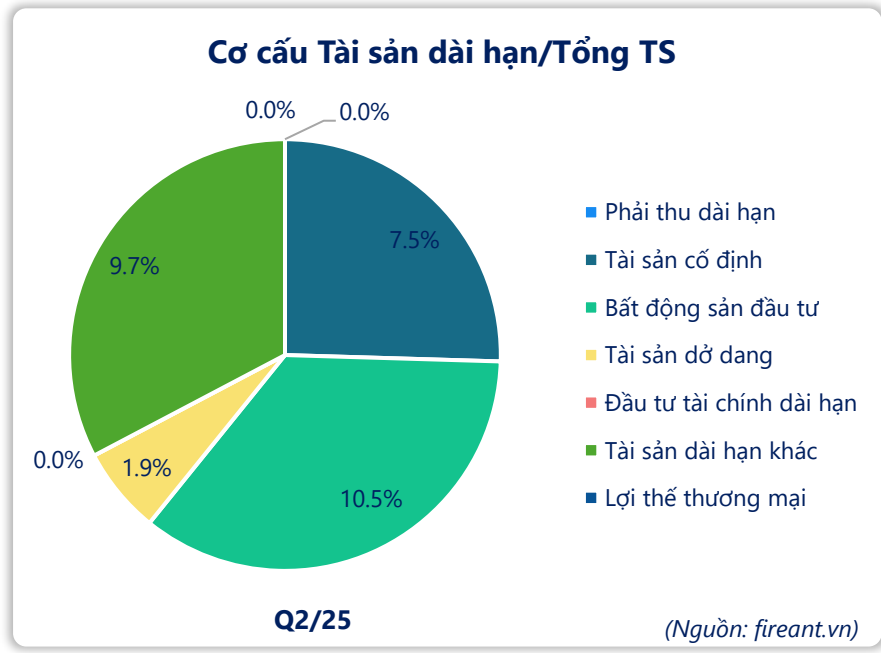
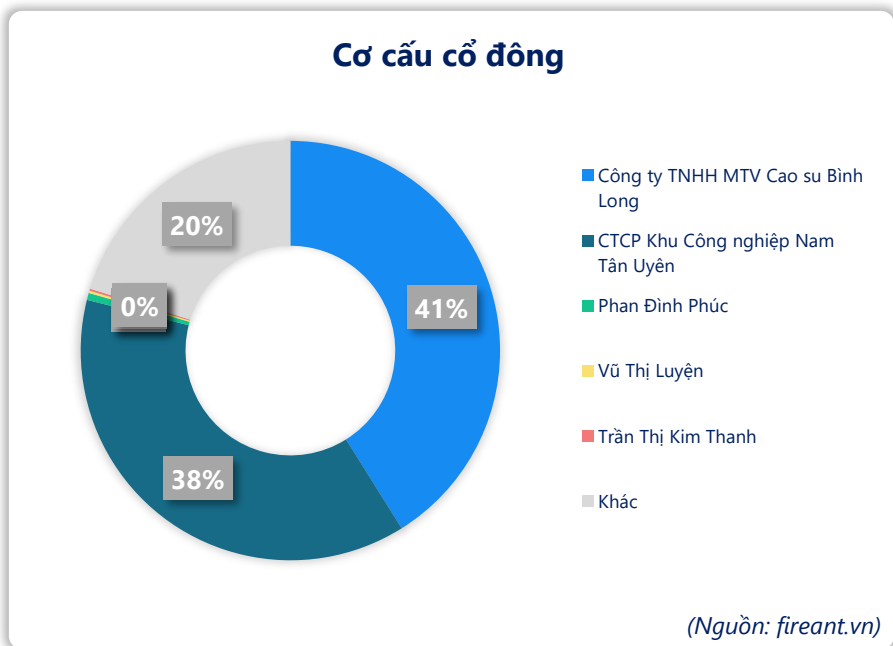
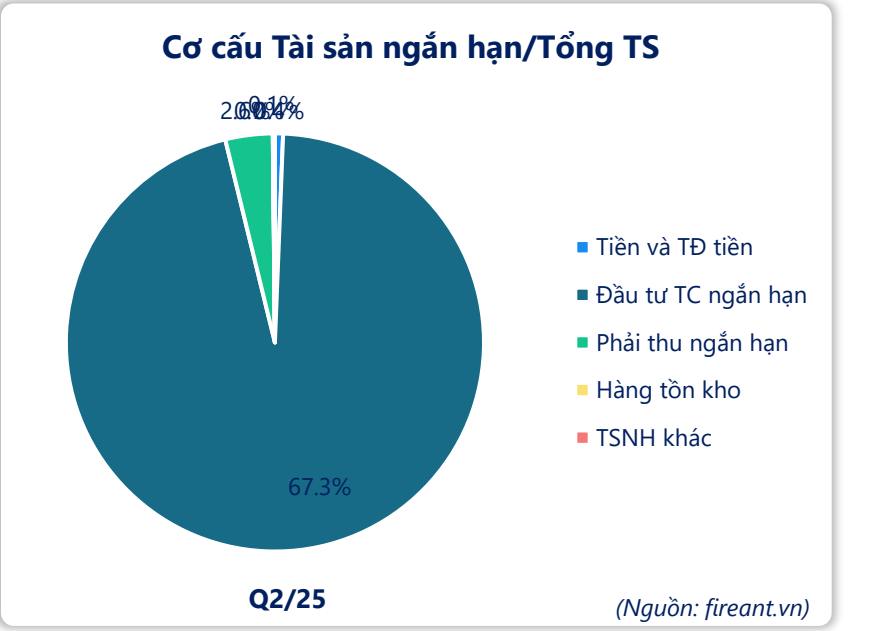
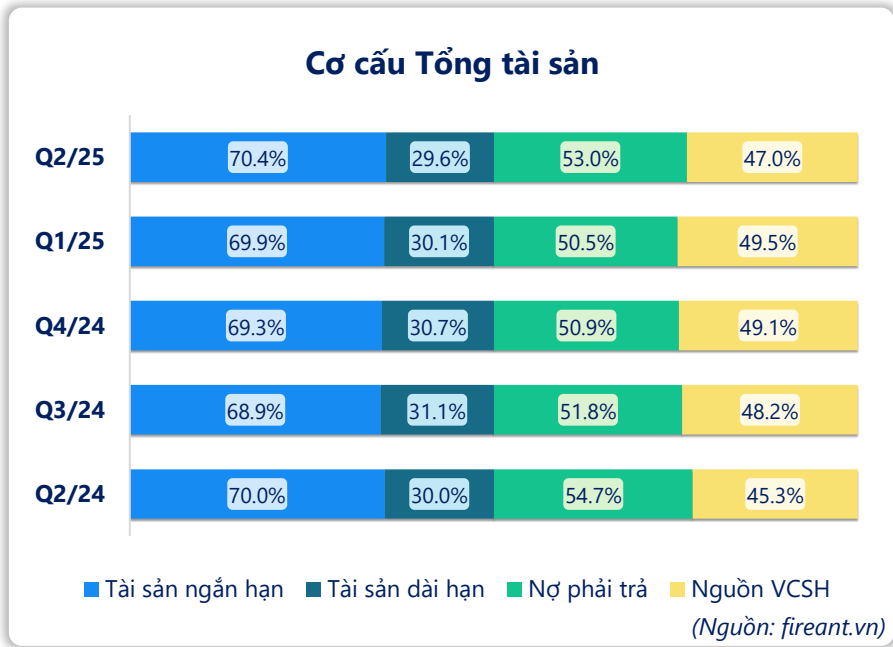
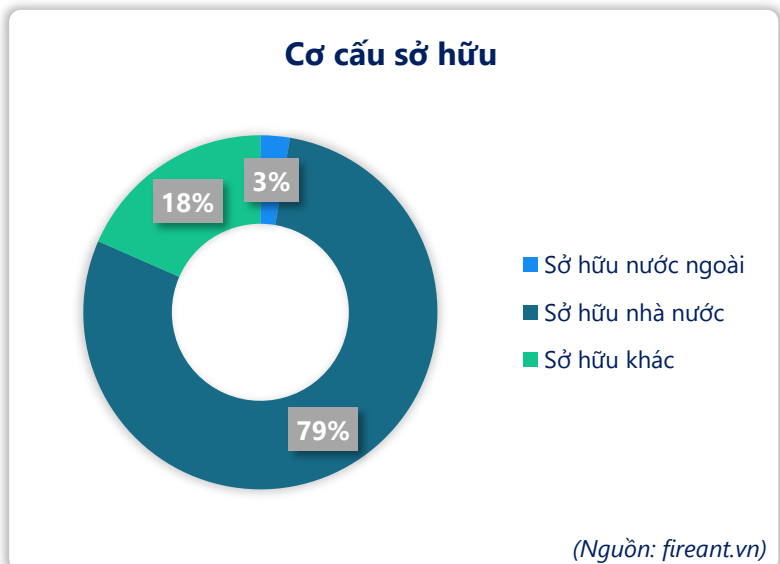
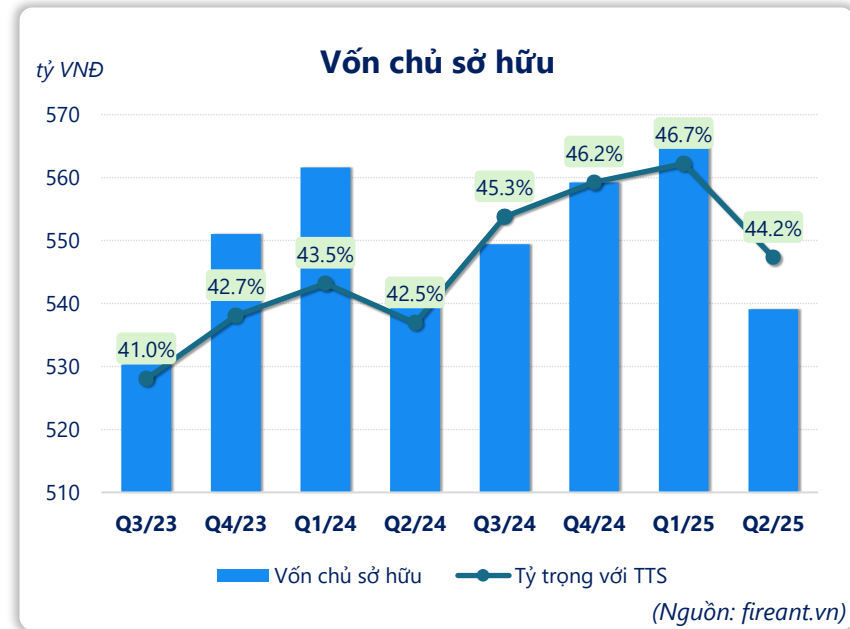
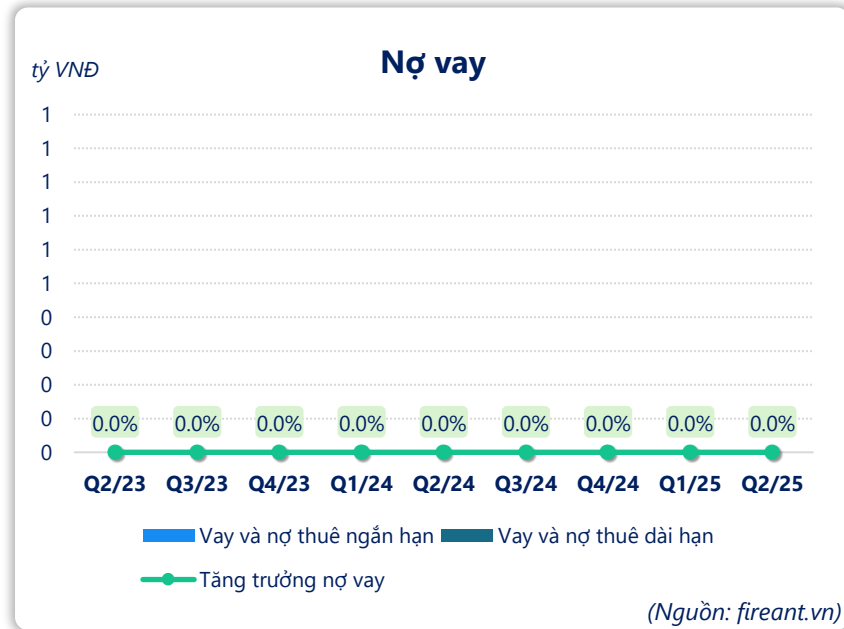
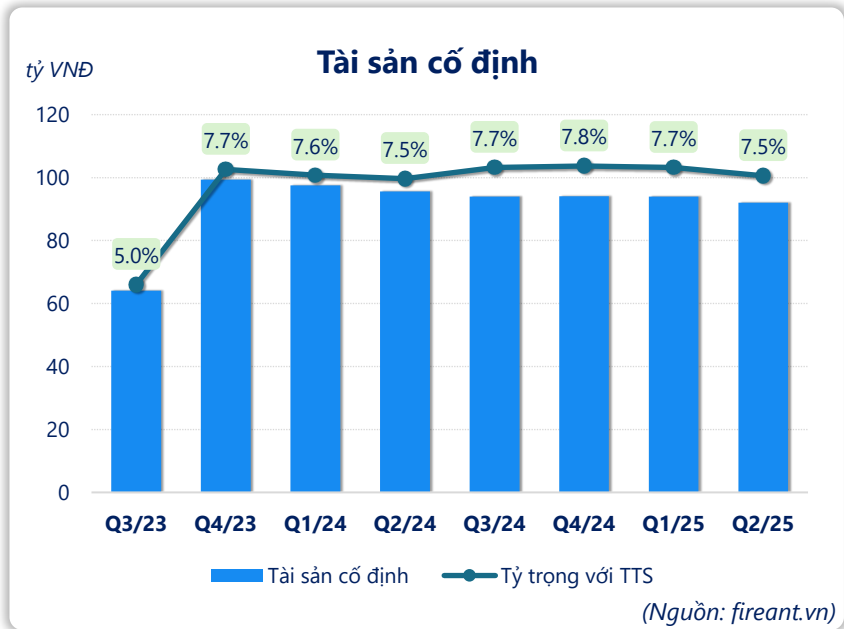
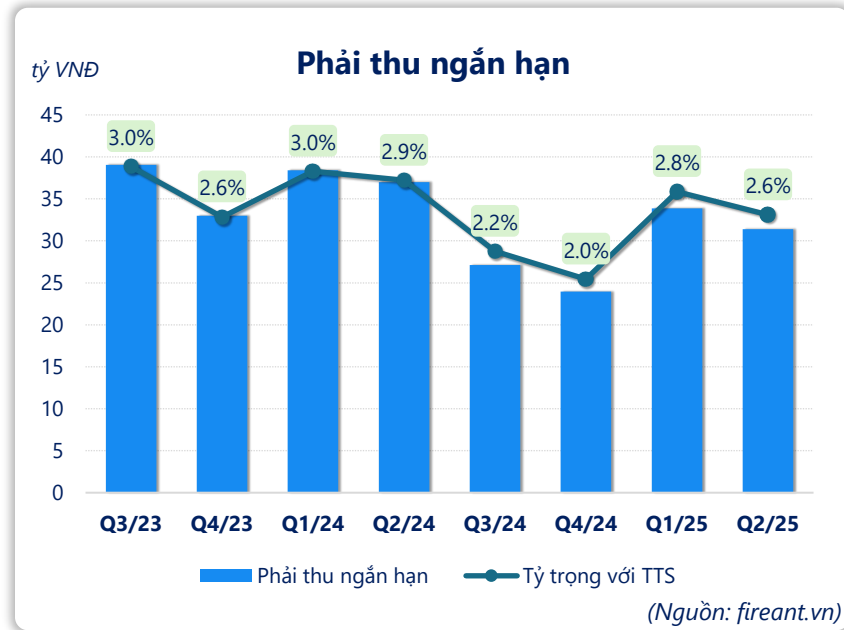
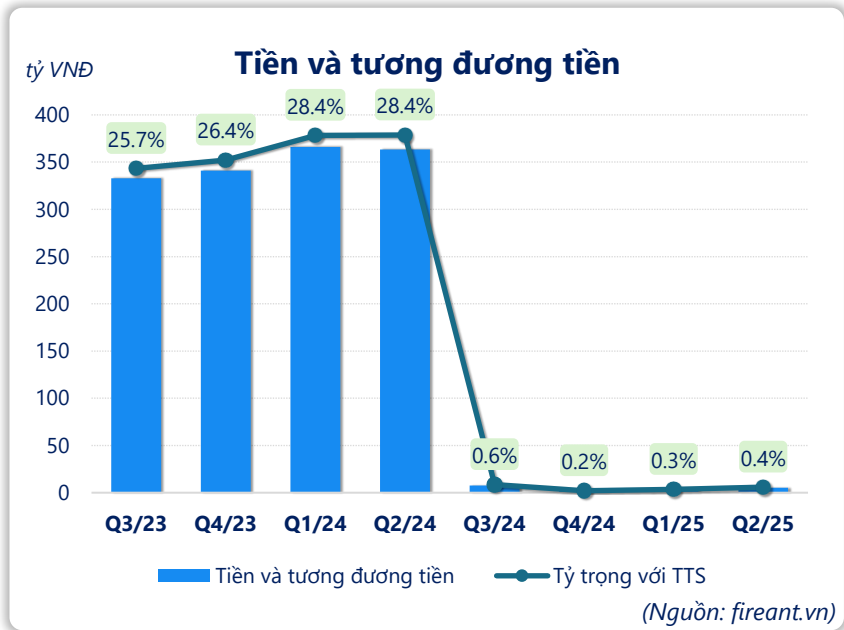
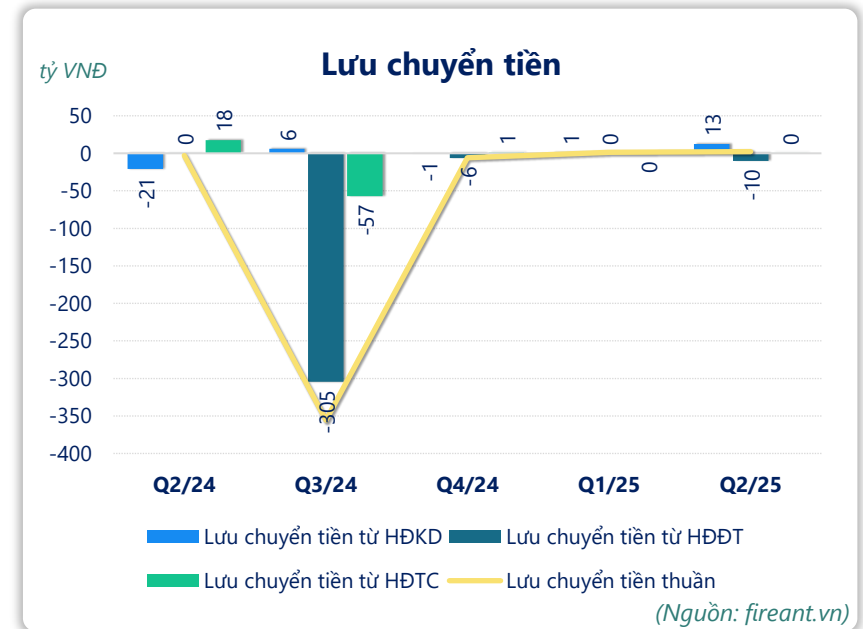
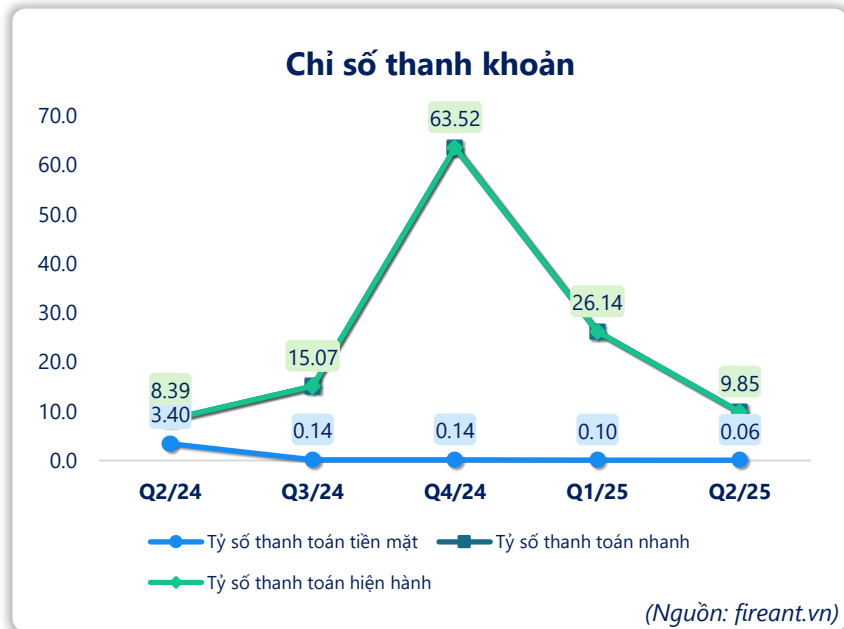
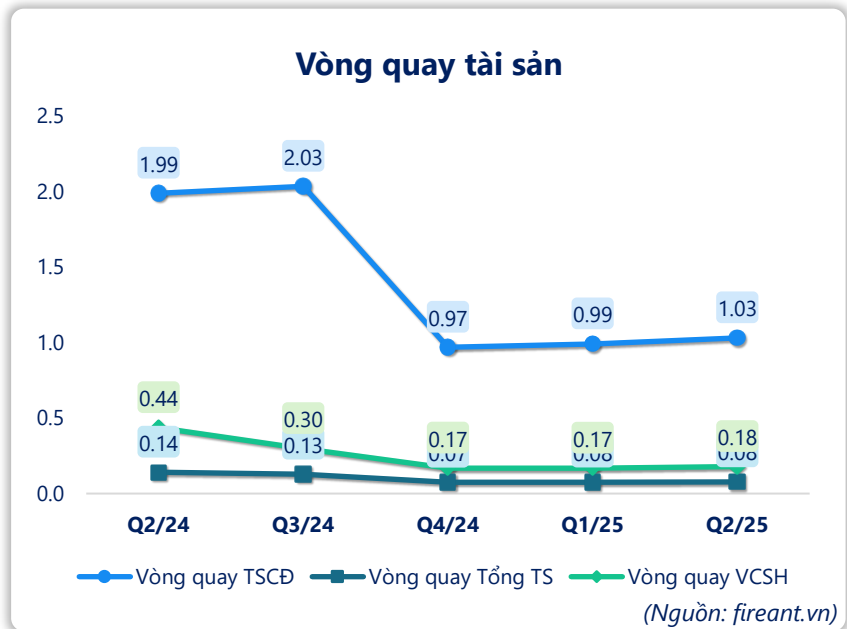
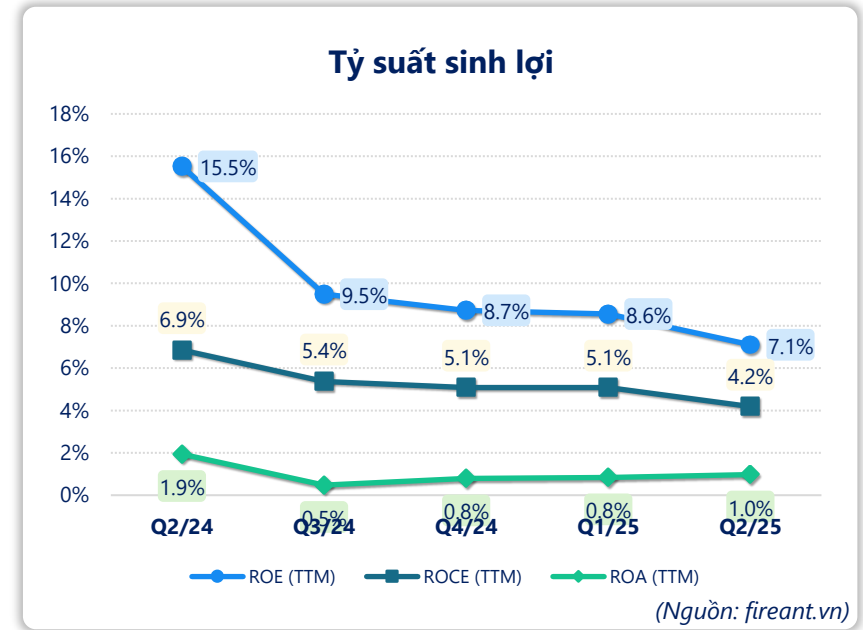
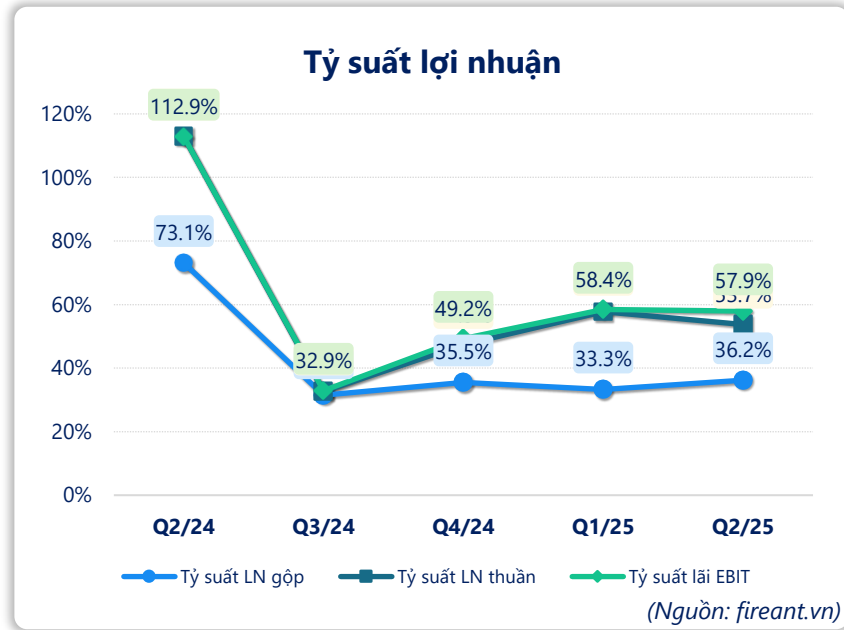
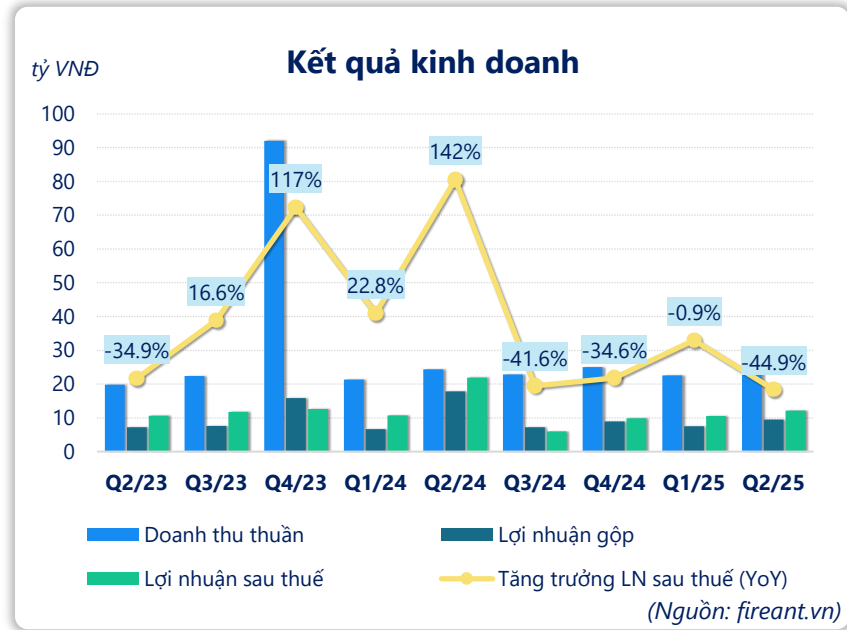


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		46,067
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,121
SL cổ phiếu LH		24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,820
% sở hữu nước ngoài		2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		737
P/E		19.2
EPS		1,602

	YTD	1T	3T	6T
MH3	-3.8%	9.9%	-30.9%	-2.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,219	1,207	1.0%
Tài sản ngắn hạn	858	838	2.4%
Tiền và tương đương tiền	5.38	1.86	189%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	820	810	1.2%
Phải thu ngắn hạn	31.4	23.7	32.3%
Hàng tồn kho	0.21	0.37	-44.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.20	2.16	-44.2%
Tài sản dài hạn	361	369	-2.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	92.0	94.1	-2.2%
Bất động sản đầu tư	128	133	-4.2%
Tài sản dở dang	23.4	23.2	1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	118	118	0.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	647	615	5.1%
Nợ ngắn hạn	87.1	30.7	184%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.42	4.91	10.5%
Nợ dài hạn	559	585	-4.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	573	592	-3.2%
Vốn chủ sở hữu	539	557	-3.1%
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	33.6	35.1	-4.3%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	24.4	22.8	25.1	22.5	26.2
Giá vốn hàng bán	6.56	15.7	16.2	15.0	16.7
Lợi nhuận gộp	17.8	7.19	8.91	7.50	9.50
Doanh thu HĐTC	14.8	4.11	9.47	9.32	9.48
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Chi phí QLDN	5.07	3.81	6.49	3.78	4.88
LN thuần từ HĐKD	27.5	7.47	11.9	13.0	14.1
Lợi nhuận khác	-0.01	0.05	0.48	0.15	1.11
LN trước thuế	27.5	7.52	12.3	13.2	15.2
Lợi nhuận sau thuế	21.9	5.99	9.84	10.5	12.1
LNST của CĐ cty mẹ	21.9	5.99	9.84	10.5	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.9	6.13	-0.56	1.06	12.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.42	-305	-6.32	0.20	-10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.7	-57.1	1.02	-0.02	0.02
Tiền đầu kỳ	366	363	7.73	1.86	3.11
Lưu chuyển tiền thuần	-2.82	-356	-5.86	1.24	2.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	363	7.73	1.86	3.11	5.38

(Nguồn: fireant.vn)